

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017  
(đã được soát xét)

## TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

---

### NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-07
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	08-55
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	08-10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	12-13
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	14-55

M.S.D.A.

## TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Licogi - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

## TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Licogi - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLD ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 31/05/2016.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Xuân Quang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08/06/2017
Ông Vũ Tiến Giao	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 08/06/2017
Ông Ứng Tiến Đỗ	Thành viên	
Ông Phan Thanh Hải	Ủy viên	
Ông Hoàng Quốc Quân	Ủy viên	
Ông Vũ Nguyên Vũ	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Xuân Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/06/2017
Ông Hoàng Quốc Quân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/06/2017
Ông Vũ Duy Quang	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09/08/2017
Ông Nguyễn Danh Quân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phùng Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/06/2017
Ông Lê Khắc Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/04/2017

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thanh Huyền	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kim Hoa	Thành viên
Ông Nguyễn Trường Sa	Thành viên

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Tổng Công ty.

## TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Dương Xuân Quang

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2017

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Licogi - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Licogi - CTCP được lập ngày 30 tháng 08 năm 2017, từ trang 08 đến trang 55, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

#### Số dư đầu kỳ liên quan đến phê duyệt kết quả cổ phần hóa

1. Như Tổng công ty đã trình bày tại thuyết minh số 2.3 - "Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ", Ban Tổng Giám đốc đã lập báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, (là ngày Tổng Công ty - Công ty mẹ chính thức được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng công ty Licogi - CTCP). Khi lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn nói trên, Ban Tổng Giám đốc áp dụng các hướng dẫn xử lý tài chính tại các Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011, Nghị định 116/2015 NĐ-CP ngày 11/11/2015 và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Tổng Công ty - Công ty mẹ chưa nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền về các phương án xử lý tài chính được áp dụng trong báo cáo tài chính cho giai đoạn nói trên. Vì vậy, các số dư đầu kỳ tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả phê duyệt của các cơ quan quản lý có thẩm quyền. Do đó, chúng tôi không thể kết luận được ảnh hưởng của các số dư đầu kỳ tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

2. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã ghi nhận doanh thu của Dự án Khu đô thị Nam Ga Hạ Long trên cơ sở nhận tiền trả trước của khách hàng với tổng doanh thu lũy kế đến thời điểm 31/12/2016 là 70,6 tỷ đồng. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty - Công ty mẹ hạch toán theo VAS14 thì tại ngày 01 tháng 01 năm 2017, số dư "người mua trả tiền trước ngắn hạn" sẽ tăng lên 70,6 tỷ đồng, "Hàng tồn kho - chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" của dự án Khu đô thị Nam Ga Hạ Long sẽ tăng lên 53,4 tỷ đồng và "lợi nhuận chưa phân phối" tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 sẽ giảm đi 17,2 tỷ đồng. Mặt khác, trong 06 tháng đầu năm 2017, Tổng Công ty- Công ty mẹ đã ghi nhận doanh thu và kết chuyển giá vốn hàng bán đối với một số lô đất thuộc khu đô thị Nam Ga Hạ Long đã bàn giao cho khách hàng trên cơ sở nhận tiền của các lô đất này với giá trị doanh thu và giá vốn lần lượt là 16,7 tỷ đồng và 12,7 tỷ đồng, lợi nhuận là 4 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty - Công ty mẹ hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng đối với các lô đất đã bàn giao trong kỳ là 19,9 tỷ đồng và 8,4 tỷ đồng, lợi nhuận là 11,5 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ sẽ tăng lên khoảng 7,5 tỷ đồng.

3. Trong các năm trước, Tổng công ty đã ghi nhận doanh thu của dự án bất động sản khu dân cư Licogi 17 với tổng doanh thu lũy kế là 21,1 tỷ đồng trên cơ sở nhận tiền trả trước của khách hàng. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa tuân thủ theo chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 số dư "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" sẽ tăng 21,1 tỷ đồng, Hàng tồn kho - "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" của dự án này sẽ tăng lên 14,2 tỷ đồng và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 sẽ giảm khoảng 6,9 tỷ đồng.

#### **Số dư đầu kỳ liên quan đến Dự án khu đô thị mới C5-C8 và C8 mở rộng**

4. Tại ngày 31/12/2016, Tổng Công ty- Công ty mẹ đang theo dõi trên khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn" hạng mục xây dựng bãi tắm của dự án C8 mở rộng số tiền khoảng 4,2 tỷ đồng dựa trên dự toán kinh phí được phê duyệt từ năm 2004. Do hạng mục bãi tắm này đã đình trệ từ lâu, Tổng Công ty - Công ty mẹ chưa xác định thời điểm thực hiện và chi phí ước tính có thể điều chỉnh để xây dựng bãi tắm này. Do đó, chúng tôi không thể kết luận được liệu có phải điều chỉnh số dư khoản mục này tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2017 hay không.

#### **Số dư đầu kỳ liên quan đến Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt**

5. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 282 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS 16). Do vậy, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của khoản mục "chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 liên quan đến khoản vay vốn hóa của dự án này hay không. Ngoài ra, trong năm 2016, Tổng Công ty tiếp tục ghi nhận vốn hóa lãi vay vào dự án này khoảng 90,6 tỷ đồng và ghi nhận vào tài khoản đối ứng " Phải trả ngắn hạn khác" một khoản là 87,46 tỷ đồng (thuyết minh 21). Việc hạch toán này chưa tuân thủ theo VAS16, nếu Tổng Công ty ghi nhận theo VAS16 thì khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn sẽ giảm 90,6 tỷ đồng, khoản mục phải trả ngắn hạn khác giảm 87,46 tỷ đồng. Đồng thời chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ này sẽ giảm đi khoảng 3,1 tỷ đồng.

## Các khoản phải trả

6. Tổng Công ty đang theo dõi các khoản công nợ phải trả do sáp nhập Công ty Xây dựng cấp thoát nước và Hạ tầng kỹ thuật (Cometco) với tổng giá trị đang được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2017 và 30/06/2017 là 27,27 tỷ đồng, chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả được bàn giao từ Cometco này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản nợ phải trả này tại ngày 01/01/2017 và tại ngày 30/06/2017 hay không.

7. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 và 30 tháng 06 năm 2017, Tổng Công ty - Công ty mẹ đang ghi nhận khoản phải trả cho Công ty TNHH Xây dựng Lũng Lô (LCC) là 53,3 tỷ đồng, (trong đó ở khoản mục "Phải trả người bán ngắn hạn" là 22,82 tỷ đồng và ở khoản mục "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" là 30,71 tỷ đồng). Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 và 30 tháng 06 năm 2017, Tổng Công ty - Công ty mẹ đang ghi nhận các khoản phải trả cho Thủ phụ của Ban điều hành Dung Quất là 12,38 tỷ đồng, Xí nghiệp khai thác và chế biến đá xuất khẩu An Giang là 3,24 tỷ đồng, đội xử lý nền móng ( Ông Yên) là 1,53 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để kết luận tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản nợ phải trả này tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2017 và 30 tháng 06 năm 2017 hay không.

## Dự phòng phải thu khó đòi

8. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, một số Công ty con của Tổng Công ty ( bao gồm: Công ty CP Licogi 9, Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh, Công ty CP Licogi 17) không trích lập đầy đủ các khoản dự phòng phải thu khó đòi cho khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng", "Phải thu ngắn hạn khác" theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng (TT228). Nếu các đơn vị này trích lập dự phòng đầy đủ các khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn tại TT 228 thì khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" tại ngày 30/06/2017 sẽ tăng lên 21,2 tỷ đồng, khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" và "Lỗi kế toán trước thuế" sẽ tăng lên 21,2 tỷ đồng.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, một số công ty con của Tổng Công ty không trích lập đầy đủ các khoản dự phòng phải thu khó đòi cho khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng", "Phải thu ngắn hạn khác" theo đúng hướng dẫn tại TT228. Nếu các đơn vị này trích lập dự phòng đầy đủ thì khoản "dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" tại ngày 30/06/2016 sẽ tăng lên thêm 19,7 tỷ đồng và khoản mục "chi phí quản lý doanh nghiệp" và "Lỗi kế toán trước thuế" cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2016 sẽ tăng lên 19,7 tỷ đồng.

## Hàng tồn kho

9. Chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 của một số đơn vị trong Tổng Công ty ( bao gồm: Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9, Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10, Công ty CP Licogi 15, Công ty CP Licogi 17, Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20), Công ty CP Lắp máy Điện nước) với giá trị hàng tồn kho khoảng 273,2 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu của hàng tồn kho đầu kỳ có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017. Chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản lãi/(lỗ) trong kỳ được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017.

## Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 2.3- Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất, trong kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017, Tổng Công ty phát sinh khoản lỗ sau thuế là 53,5 tỷ đồng. Tại ngày 30/06/2017, tổng nợ ngắn hạn của Tổng công ty - Công ty mẹ vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.042,9 tỷ đồng. Những vấn đề này là dấu hiệu cho thấy sự không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thực hiện tái cấu trúc Tổng Công ty theo Nghị quyết đại đồng cổ đông thường niên năm 2016, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề này không làm thay đổi kết luận soát xét ngoại trừ của chúng tôi.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 chưa được soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập. Do vậy, số liệu so sánh trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 liên quan đến số liệu so sánh cùng kỳ năm trước là số liệu chưa được soát xét.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Licogi - CTCP cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ theo báo cáo kiểm toán số HAN 1768 ngày 27 tháng 04 năm 2017.

## Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Vũ Xuân Biền**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 09 năm 2017



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.548.155.419.258</b>	<b>2.191.260.123.704</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	123.691.328.049	202.516.339.998
111	1. Tiền		112.172.814.160	202.516.339.998
112	2. Các khoản tương đương tiền		11.518.513.889	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	90.330.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		90.330.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		<b>1.428.775.426.938</b>	<b>1.119.327.607.247</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.175.855.696.305	1.011.112.188.092
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	232.287.479.114	52.450.379.321
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	16.813.740.010	24.663.740.010
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	374.499.021.444	379.389.163.631
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(370.757.061.948)	(348.364.415.820)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		76.552.013	76.552.013
140	IV. Hàng tồn kho	10	866.867.525.202	837.919.793.042
141	1. Hàng tồn kho		874.157.180.298	841.380.109.253
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.289.655.096)	(3.460.316.211)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		<b>38.491.139.069</b>	<b>31.496.383.417</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.882.794.176	2.913.996.648
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		29.702.561.048	27.999.352.584
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	3.905.783.845	583.034.185

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017  
 (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.824.560.666.166</b>	<b>1.924.166.946.775</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>704.906.500</b>	<b>1.131.037.386</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	704.906.500	1.131.037.386
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>462.769.690.956</b>	<b>485.210.289.413</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	432.760.669.651	454.483.630.544
222	- Nguyên giá		1.448.367.226.533	1.438.997.795.139
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.015.606.556.882)	(984.514.164.595)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	1.819.749.869	1.985.181.677
225	- Nguyên giá		2.646.908.909	2.646.908.909
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(827.159.040)	(661.727.232)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	28.189.271.436	28.741.477.192
228	- Nguyên giá		29.908.090.641	32.012.730.641
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.718.819.205)	(3.271.253.449)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>15</b>	<b>2.663.302.754</b>	<b>2.663.302.754</b>
231	- Nguyên giá		2.745.140.454	2.745.140.454
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(81.837.700)	(81.837.700)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>774.001.321.672</b>	<b>769.533.924.961</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		718.739.096.186	711.166.856.701
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		55.262.225.486	58.367.068.260
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>542.633.855.255</b>	<b>619.470.548.869</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		493.061.527.792	566.451.643.067
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		57.332.477.208	57.332.477.208
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(7.760.149.745)	(4.313.571.406)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>41.787.589.029</b>	<b>46.157.843.392</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	41.787.589.029	46.157.843.392
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.372.716.085.424</b>	<b>4.115.427.070.479</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.898.153.733.956</b>	<b>3.568.998.395.365</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.591.056.237.047</b>	<b>3.241.564.276.086</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	891.465.033.437	850.954.818.174
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	387.107.016.232	300.481.961.361
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	178.845.309.048	189.913.459.455
314	4. Phải trả người lao động		69.139.280.535	76.144.948.474
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	148.738.289.741	132.311.370.835
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.915.117.303	50.822.923
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	470.206.311.944	306.692.957.647
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	1.419.180.505.829	1.365.303.307.642
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	9.982.455.012	997.937.808
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		14.476.917.966	18.712.691.767
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>307.097.496.909</b>	<b>327.434.119.279</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		2.098.148.146	1.664.718.750
337	2. Phải trả dài hạn khác		7.609.046.075	6.423.283.702
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	295.259.346.952	317.250.241.279
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		2.130.955.736	2.095.875.548
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>474.562.351.468</b>	<b>546.428.675.114</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>24</b>	<b>474.562.351.468</b>	<b>546.428.675.114</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		900.000.000.000	900.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>900.000.000.000</i>	<i>900.000.000.000</i>
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		10.121.718.651	10.121.718.651
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(79.274.695.809)	(79.274.695.809)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		59.773.473.024	58.975.299.808
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.083.295.470	2.074.997.571
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(525.075.941.989)	(458.783.469.861)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		<i>(461.093.077.371)</i>	<i>(44.300.671.762)</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>(63.982.864.618)</i>	<i>(414.482.798.099)</i>
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		106.934.502.121	113.314.824.754
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.372.716.085.424</b>	<b>4.115.427.070.479</b>

Lê Thanh Nội  
 Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Thị Chung  
 Kế toán trưởng



Dương Xuân Quang  
 Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016 ( chưa soát xét)
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	1.203.081.107.288	1.315.461.421.847
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	170.392.505	511.011.593
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.202.910.714.783	1.314.950.410.254
11	4. Giá vốn hàng bán	27	1.067.794.445.503	1.239.920.908.304
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		135.116.269.280	75.029.501.950
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	97.188.841.671	10.563.312.117
22	7. Chi phí tài chính	29	74.441.584.498	66.339.966.453
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		69.725.168.503	65.706.483.142
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(74.890.115.275)	7.148.572.850
25	9. Chi phí bán hàng	30	24.742.492.926	23.833.786.878
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	115.318.523.796	302.965.035.852
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(57.087.605.544)	(300.397.402.266)
31	12. Thu nhập khác	32	18.501.859.915	3.217.219.267
32	13. Chi phí khác	33	12.374.892.235	25.359.052.434
40	14. Lợi nhuận khác		6.126.967.680	(22.141.833.167)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(50.960.637.864)	(322.539.235.433)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	2.543.824.799	6.251.004.518
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		35.080.188	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(53.539.542.851)</u>	<u>(328.790.239.951)</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(63.982.864.618)	(311.181.123.149)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		10.443.321.767	(17.609.116.802)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	(711)	(3.458)



Lê Thanh Nội  
Người lập  
Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Thị Chung  
Kế toán trưởng




Dương Xuân Quang  
Tổng Giám đốc


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6 tháng đầu năm 2017  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016 (chưa soát xét)
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(50.960.637.864)	(322.539.235.433)
	6. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		37.384.354.229	40.570.282.569
03	- Các khoản dự phòng		38.653.080.556	201.857.989.605
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	28.366.996
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(24.892.358.084)	(5.350.825.314)
06	- Chi phí lãi vay		69.725.168.503	65.706.483.142
08	13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		69.909.607.340	(19.726.938.435)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(338.823.204.419)	11.996.460.678
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(40.349.310.530)	1.516.494.275
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		273.712.756.681	51.556.340.684
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.401.456.835	11.107.151.750
14	- Tiền lãi vay đã trả		(63.573.741.533)	(62.721.221.078)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.570.582.446)	(2.114.994.348)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.577.802.532)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(109.870.820.604)	(8.386.706.474)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(12.680.910.199)	(22.042.093.699)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.904.771.232	583.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(90.524.000.000)	(50.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		8.044.000.000	694.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(2.135.332.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.592.520.336
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		91.415.643.762	68.326.237.322
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(840.495.205)	47.968.331.959

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6 tháng đầu năm 2017  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016 (chưa soát xét)
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.137.039.402.968	945.685.241.188
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.104.673.271.108)	(1.093.723.060.942)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(479.828.000)	(1.551.828.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(42.374.157.880)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>31.886.303.860</i>	<i>(191.963.805.634)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(78.825.011.949)	(152.382.180.149)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		202.516.339.998	328.334.655.535
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(28.366.996)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>123.691.328.049</u>	<u>175.924.108.390</u>


Lê Thanh Nội  
Người lập

Nguyễn Thị Chung  
Kế toán trưởng
  
Dương Xuân Quang  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ***6 tháng đầu năm 2017***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Licogi - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 31/05/2016.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 900.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 900.000.000.000 đồng; tương đương 90.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty là thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng và phát triển kinh doanh các dự án bất động sản.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, buru điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện, thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác các dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đầu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**Cấu trúc Tập đoàn**

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm:

**Công ty con cấp 1**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	Hà Nội	51,85%	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty CP Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Đồng Nai	51,00%	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	Đà Nẵng	57,71%	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP LICOGI 15	Thanh Hóa	64,65%	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP LICOGI 17	Hải Dương	56,33%	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	Hà Nội	92,58%	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Lắp máy Điện nước	Hà Nội	89,82%	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (Licogi 2)	Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản

**Công ty con cấp 2**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 6 (Công ty con của Công ty CP Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh)	Hòa Bình	28,22%	54,42%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Đầu tư phát triển và Vật liệu xây dựng Đông Anh số 9 (Công ty con của Công ty CP Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh)	Phú Thọ	26,44%	51,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Licogi 9.2 (Công ty con của Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9)	Đồng Nai	40,45%	79,31%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng



- Công ty có các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm:

<b>Công ty liên kết</b>		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>			
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	44,09%	44,09%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty CP Licogi 14	Phú Thọ	26,42%	26,42%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Long <i>(Công ty liên kết của Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9)</i>	Hà Nội	20,40%	40,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8 <i>(Công ty liên kết của Công ty CP Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh)</i>	Hung Yên	23,63%	45,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
<b>Công ty liên doanh</b>		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>			
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long <i>(Công ty liên doanh của Công ty CP Cơ khí Đông Anh - Licogi)</i>	Hà Nội	37,41%	42,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam <i>(Công ty liên doanh của Công ty CP Licogi 15)</i>	Hà Nam	48,48%	75,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đã lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty - Công ty mẹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 tới ngày 31 tháng 12 năm 2015 (là ngày Tổng Công ty - Công ty mẹ, chính thức được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP). Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn nói trên, Ban Tổng Giám đốc áp dụng các hướng dẫn xử lý tài chính tại các Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011, Nghị định 116/2015 NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất ngày, Tổng Công ty - Công ty mẹ chưa nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền về các phương án xử lý tài chính được áp dụng trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 tới ngày 31 tháng 12 năm 2015. Vì vậy, các số dư đầu kỳ tài ngày 01 tháng 01 năm 2016 của Báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả phê duyệt của các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Trong giai đoạn Cổ phần hóa từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015, Tổng Công ty lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và xử lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty cổ phần và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần.

Tổng Công ty chính thức trở thành Công ty Cổ phần từ ngày 31/12/2015. Tại ngày lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, Tổng Công ty chưa nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền về phương án xử lý tài chính được áp dụng trong báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015. Do vậy, các số dư tại ngày 01/01/2016 có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả phê duyệt của các cơ quan quản lý có thẩm quyền. Điều này cũng làm ảnh hưởng đến số dư đầu kỳ tại ngày 01/01/2017.

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, Tổng Công ty phát sinh khoản lỗ sau thuế là 53,5 tỷ đồng. Tại ngày 30/06/2017, tổng nợ ngắn hạn của Tổng công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.042,9 tỷ đồng. Những vấn đề này là dấu hiệu cho thấy sự không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thực hiện tái cấu trúc Tổng Công ty theo Nghị quyết đại đồng cổ đông thường niên năm 2016, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Các phương pháp kế toán khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

#### **2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* mua trong kỳ: bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 10	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

## 2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.

## 2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

**2.12 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.13 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.14 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.15 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**2.16 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, hoặc khoản tiền nhận trước của hoạt động xuất khẩu lao động của Tổng công ty.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán .

30.  
C.C  
CH.N  
IGI  
A.  
TKU

**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.18 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Tổng Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Tổng Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Tổng Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

#### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

### **2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### **2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

15-C  
Y  
TƯ H  
TOÁ  
P. H



## **2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### **a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

## **2.23 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
 Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	13.487.165.101	15.106.020.267
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	98.685.649.059	187.410.319.731
Các khoản tương đương tiền (*)	11.518.513.889	-
	<b>123.691.328.049</b>	<b>202.516.339.998</b>

Tại 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,8%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	90.330.000.000	90.330.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	90.330.000.000	90.330.000.000	-	-
	<b>90.330.000.000</b>	<b>90.330.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Tại 30/06/2017, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất theo quy định của từng ngân hàng thương mại.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP****Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	30/06/2017			01/01/2017			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>							
- Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	26,42%	26,42%	49.782.320.863	26,42%	26,42%	42.694.790.074
- Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	2.005.780.347	22,62%	22,62%	2.007.395.009
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	Bình Phước	20,40%	40,00%	14.256.671.912	20,40%	40,00%	17.417.635.690
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (*)	Lào Cai	44,09%	44,09%	227.778.883.630	44,09%	44,09%	255.958.264.345
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đồng Anh	Hưng Yên	23,63%	45,58%	4.449.895.137	23,63%	45,58%	3.781.932.428
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh</b>							
- Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Hà Nội	37,41%	42,00%	194.787.975.903	37,41%	42,00%	244.591.625.521
- Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam	Hà Nam	48,48%	75,00%	-	48,48%	75,00%	-
				<b>493.061.527.792</b>			<b>566.451.643.067</b>

(\*) Công ty CP Thủy điện Bắc Hà chưa xác định và ghi nhận tiền lãi chậm nộp các khoản thuế (bao gồm thuế GTGT, thuế tài nguyên). Theo thông báo số 3607/TB-CT ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Cục Thuế tỉnh Lào Cai, số tiền Công ty bị phạt chậm nộp các khoản thuế trên tính đến ngày 30/04/2017 nhưng chưa được Công ty CP Thủy điện Bắc Hà ghi nhận khoảng 3,9 tỷ VND do Công ty này chưa thông nhất số liệu tính toán với cơ quan thuế và sẽ hạch toán bổ sung khi thông nhất số liệu với cơ quan thuế.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 40.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCF****Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Licogi 12	5.967.000.000	-	5.967.000.000	-
- Công ty Cổ phần Licogi 13	25.001.671.600	(7.609.679.877)	25.001.671.600	(3.854.985.041)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	10.530.000.000	-	10.530.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện ĐắkĐrinh	13.753.805.608	-	13.753.805.608	(308.116.497)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO	780.000.000	-	780.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Vinashin - Licogi	1.000.000.000	(85.798.662)	1.000.000.000	(85.798.662)
- Công ty Cổ phần Quản lý dự án và Xây dựng Licogi	300.000.000	(64.671.206)	300.000.000	(64.671.206)
	<b>57.332.477.208</b>	<b>(7.760.149.745)</b>	<b>57.332.477.208</b>	<b>(4.313.571.406)</b>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Công ty CP Licogi 13	-	5.433.758.824
- Ban Quản lý Dự án Nhà máy thủy điện Sơn La	34.127.704.079	29.731.324.541
- Ban Quản lý Dự án Thủy điện 1	102.600.607.535	106.268.289.347
- Ban Quản lý Dự án Thủy điện 3	13.481.426.654	13.481.426.654
- Công ty CP Thủy điện A Vương	28.225.556.461	28.225.556.461
- Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội	12.935.228.322	12.790.509.816
- Công ty CP Thủy điện ĐăkĐrinh	75.751.987.956	106.460.437.797
- Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thái Sơn	16.866.175.163	21.866.175.163
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	21.261.594.839
- Công ty CP Phát triển đường cao tốc Biên Hòa	7.159.279.404	12.820.180.175
- Công ty CP Thực phẩm Miền Bắc	15.662.726.396	15.662.726.396
- Công ty CP Xây lắp và Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.572.632.461	12.572.632.461
- Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	8.296.686.758	9.950.668.710
- Các khoản phải thu khách hàng của COMETCO sau khi sáp nhập vào Licogi 2	11.557.564.409	11.689.359.409
- Ban Quản lý đầu tư các công trình Văn hóa, Thể thao tỉnh Quảng Ninh	10.665.847.000	23.185.966.000
- Ban Quản lý dự án 6	8.620.470.627	12.366.660.433
- Ban điều hành gói thầu số 10 - Công trình Âu Tàu	7.814.561.352	7.814.561.352
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	7.197.699.083	9.988.592.995
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	45.014.818.458	21.233.127.066
- Thyssenkrupp Industrial Solution Ltd	34.619.164.914	-
- Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam	31.816.539.251	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	669.607.425.183	528.308.639.653
	<b><u>1.175.855.696.305</u></b>	<b><u>1.011.112.188.092</u></b>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<b><u>54.588.080.747</u></b>	<b><u>68.253.829.230</u></b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.		

110  
ST  
M  
M  
ST  
T

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công Ty CP Bê tông Ly Tâm Thủ Đức I	7.497.616.102	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng BMT	4.849.427.733	-	870.000.000	-
Công ty TNHH đầu tư và tư vấn Hải Dương (1)	165.000.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	54.940.435.279	(5.986.081.345)	51.580.379.321	(5.200.610.943)
	<b>232.287.479.114</b>	<b>(5.986.081.345)</b>	<b>52.450.379.321</b>	<b>(5.200.610.943)</b>

(1): Đây là số tiền ứng trước cho Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương theo hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/06/2017 với mục đích để Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương đứng ra thay mặt Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi thực hiện giải phóng mặt bằng tại khu đô thị Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (1)	500.000.000	4.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8 (2)	16.313.740.010	20.663.740.010
	<b>16.813.740.010</b>	<b>24.663.740.010</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:**

- (1) Khoản vay ngắn hạn giữa Công ty CP Licogi 9 và Công ty CP Thủy điện Bắc Hà- Công ty liên kết. Khoản vay áp dụng lãi suất cho vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- (2) Khoản vay ngắn hạn hỗ trợ vay vốn giữa Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh và Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8 - Công ty liên kết. Khoản vay này áp dụng lãi suất cho vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**8 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	9.423.910.942	(3.624.299.293)	9.423.910.942	(3.624.299.293)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	7.256.500.865	-	1.794.442.500	-
Phải thu Ban QLDA KĐT Thịnh Liệt (1)	55.565.317.968	(54.986.617.577)	55.156.171.384	(54.986.617.577)
Phải thu người lao động	1.630.245.151	-	-	-
Tạm ứng	103.534.167.459	(31.972.703.087)	96.789.122.189	(32.955.719.892)
Ký cược, ký quỹ	3.175.762.619	-	-	-
Phải thu khác của COMETCO khi sát nhập vào Licogi 2	27.516.766.744	(27.516.766.744)	27.516.766.744	(27.516.766.744)
Công ty TNHH MTV Sơn Bột Đông	3.137.886.694	-	-	-
Phải thu Ban điều hành Nhà máy công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	(25.493.403.949)	25.493.403.949	(25.493.403.949)
Phải thu liên quan đến Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	(6.079.942.000)	8.692.075.717	(6.079.942.000)
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1 (2)	18.755.224.170	(1.975.522.417)	19.755.224.170	-
Phải thu từ chủ đầu tư mới của Dự án KĐT M Yên Thanh (3)	46.872.815.615	-	46.872.815.615	-
Tạm ứng tiền giải phóng mặt bằng cho UBND huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình cho dự án KĐT M Đông Hưng	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-
Phải thu khác	45.057.077.268	(30.670.507.208)	66.895.230.421	(30.015.601.542)
	<b>374.499.021.444</b>	<b>(182.319.762.275)</b>	<b>379.389.163.631</b>	<b>(180.672.350.997)</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(1) Khoản mục này là khoản mục tạm ứng cho Ban Quản lý Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt trong quá trình thực hiện dự án. Dự án này ban đầu do Tổng công ty - Công ty mẹ thực hiện nhưng sau đó đã được chuyển giao sang cho công ty con, Công ty TNHH Nhà ở và Đô thị Licogi từ ngày 20 tháng 7 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng này là thấp nên đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản tạm ứng đã tồn đọng từ lâu.

(2) Khoản phải thu tại Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 liên quan tới số tiền Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1 còn phải trả cho Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 liên quan đến việc chuyển nhượng Dự án KĐT Licogi tại Cà Mau trong năm 2012 với tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 67 tỷ đồng. Khoản phải thu này đã quá hạn nhiều năm tuy nhiên Tổng Công ty mới bắt đầu trích lập dự phòng cho khoản phải thu này từ năm 2017 với số tiền 1,97 tỷ đồng.

(3) Dự án KĐT Yên Thanh, Ưông Bí, Quảng Ninh do Công ty Licogi 2 thuộc Tổng Công ty thực hiện. Dự án này có tổng chi phí phát sinh đến ngày 31/12/2016 là 66,4 tỷ đồng và đã bị UBND tỉnh Quảng Ninh thu hồi theo quyết định số 4011/QĐ-UBND ngày 16/12/2015. Theo quyết định này, các chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ được bồi hoàn bởi chủ đầu tư mới với số tiền được xác định là 46,9 tỷ đồng. Phần chênh lệch 19,5 tỷ đồng đã được Tổng Công ty ghi nhận vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2016.

**9 . NỢ XẤU**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	-	21.261.594.839	-
- Công ty CP Thực phẩm Miền Bắc	15.662.726.396	-	15.662.726.396	-
- Công ty CP Xây lắp BĐS Điện lực dầu khí Việt Nam	12.572.632.461	-	12.572.632.461	-
- Ban điều hành gói thầu số 10- Công trình Ấu Tàu	7.814.561.352	-	7.814.561.352	-
- Ban điều hành công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	-	25.493.403.949	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1	18.755.224.170	16.779.701.753	19.755.224.170	19.755.224.170
- Phải thu BQL Dự án KĐT Thịnh Liệt	55.565.317.968	578.700.391	55.156.171.384	169.553.807
- Các khoản khác	290.041.345.947	59.051.342.990	283.892.600.157	73.319.720.911
	<b>447.166.807.082</b>	<b>76.409.745.134</b>	<b>441.608.914.708</b>	<b>93.244.498.888</b>



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	10.099.158.997	-	9.482.500.682	-
Nguyên liệu, vật liệu	121.081.852.796	(4.123.867.104)	120.025.737.161	(3.460.316.211)
Công cụ, dụng cụ	5.584.540.792	-	6.515.792.758	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	651.748.395.092	(3.165.787.992)	638.956.146.168	-
Thành phẩm	85.507.943.584	-	65.460.574.490	-
Hàng hoá	135.289.037	-	939.357.994	-
	<b>874.157.180.298</b>	<b>(7.289.655.096)</b>	<b>841.380.109.253</b>	<b>(3.460.316.211)</b>

(\*) Chi phí SXKD dở dang là chi phí phát sinh của các công trình đang trong quá trình xây dựng dở dang hoặc chi phí của các sản phẩm dở dang. Chi tiết như sau:

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Dự án KĐTM C5	11.230.909.091	7.607.255.233
Dự án KĐTM Đồi T5	16.015.148.985	15.670.996.409
Dự án KĐTM Nam Ga Hạ Long (1)	83.993.845.570	86.543.942.905
Dự án MDF Kiên Giang	20.944.606.504	20.897.456.435
Dự án 423 Minh Khai	21.160.154.674	24.064.946.427
Dự án Khu dân cư Licogi 17 (2)	17.692.851.614	10.855.844.571
Công trình Thủy điện Bán Chát	14.088.225.646	40.797.823.644
Công trình Thủy điện ĐăkĐrinh	10.511.448.801	15.052.995.412
Công trình Thủy điện Đăk My 3	12.503.987.745	15.513.763.515
Công trình KĐTM Thủ Thiêm	28.224.678.939	23.476.378.817
Công trình Trụ sở Công an TP HCM	25.232.122.536	25.232.122.536
Công trình Đường sắt đô thị Ba Son	1.057.845.455	9.215.267.597
Các công trình và sản phẩm dở dang khác	389.092.569.532	344.027.352.667
	<b>651.748.395.092</b>	<b>638.956.146.168</b>

(1) Dự án KĐTM Nam Ga Hạ Long, Quảng Ninh hiện nay do Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 thuộc Tổng Công ty thực hiện: Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã ghi nhận doanh thu của Dự án Khu đô thị Nam Ga Hạ Long trên cơ sở nhận tiền trả trước của khách hàng với tổng doanh thu lũy kế đến thời điểm 31/12/2016 là 70,6 tỷ đồng. Chi phí tương ứng với doanh thu nói trên là 53,4 tỷ đồng và đã được ghi nhận vào giá vốn hàng bán từ các năm trước. Trong 06 tháng đầu năm 2016, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu và kết chuyển giá vốn hàng bán đối với một số lô đất thuộc khu đô thị Nam Ga Hạ Long đã bàn giao cho khách hàng trên cơ sở nhận tiền của các lô đất này với giá trị doanh thu và giá vốn lần lượt là 16,7 tỷ đồng và 12,7 tỷ đồng.

(2) Dự án Khu dân cư Licogi 17 do Công ty CP Licogi 17 thực hiện: Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận tổng doanh thu cho Dự án này khoảng 21,1 tỷ đồng dựa trên số tiền thanh toán trước từ khách hàng. Chi phí tương ứng với doanh thu nói trên là 14,2 tỷ đồng và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán từ các năm trước.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN****a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn là chi phí dở dang của các dự án công trình xây dựng, các dự án bất động sản của Tổng công ty trong quá trình xây dựng mà có thời hạn thực hiện và luân chuyển trên 12 tháng. Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn trình bày theo các dự án như sau:

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (do Công ty Nhà ở và Đô thị Licogi thực hiện) (*)	699.083.658.188	699.083.658.188	691.511.418.703	691.511.418.703
Dự án KĐTMT Thịnh Liệt - Hàng mục lô CT2 (do Công ty Licogi 2 thực hiện) (*)	10.788.313.281	10.788.313.281	10.788.313.281	10.788.313.281
Dự án Thủy điện Cầm Thủy 2	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
Dự án KĐTMT Đông Hưng, Thái Bình	4.277.553.403	4.277.553.403	4.277.553.403	4.277.553.403
	<b>718.739.096.186</b>	<b>718.739.096.186</b>	<b>711.166.856.701</b>	<b>711.166.856.701</b>

(\*) Tính đến ngày 01/01/2016, tổng chi phí đã phát sinh lũy kế cho Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt là 702 tỷ đồng, trong đó bao gồm 282 tỷ đồng vốn hóa lãi vay. Trong năm 2017, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay vào dự án này với giá trị là 297.534.245 đồng.

Tại ngày 30/06/2017, Dự án này đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tổng Công ty.

**b) Xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công trình xây dựng Trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê tại Lô E7 đường Phạm Hùng (Tổng Công ty - Công ty mẹ) (**)	9.647.644.263	9.647.644.263
- Công trình xây dựng Trụ sở làm việc (Licogi 17)	-	8.697.363.218
- Chi phí đền bù hỗ trợ tư vấn đất nông nghiệp (Công ty Vật liệu Xây dựng Đông Anh)	7.084.709.941	7.084.709.941
- Chi phí xây dựng xưởng sản xuất (Licogi 9)	8.902.690.002	5.528.701.808
- Chi phí xây dựng dở dang khác	29.627.181.280	27.408.649.030
	<b>55.262.225.486</b>	<b>58.367.068.260</b>

(\*\*) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m<sup>2</sup>) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03/01/2007. Tổng Công ty - Công ty mẹ đã đặt cọc tiền đất số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m<sup>2</sup> cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT-ĐT ngày 13/12/2006.

Tuy nhiên, đến ngày 10/08/2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500m<sup>2</sup>) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ - UBND ngày 11/11/2008. Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>												
Số dư đầu năm	224.735.900.602	1.017.441.226.706	189.242.548.825	6.203.660.788	1.374.458.218	1.438.997.795.139						
- Mua trong kỳ	-	2.263.760.000	4.033.527.079	102.090.909	-	6.399.377.988						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.386.374.985	-	-	-	-	9.386.374.985						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(5.475.232.397)	(941.089.182)	-	-	(6.416.321.579)						
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>234.122.275.587</b>	<b>1.014.229.754.309</b>	<b>192.334.986.722</b>	<b>6.305.751.697</b>	<b>1.374.458.218</b>	<b>1.448.367.226.533</b>						
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>												
Số dư đầu năm	124.365.175.412	702.525.050.484	151.456.647.674	4.987.961.474	1.179.329.551	984.514.164.595						
- Khấu hao trong kỳ	6.529.250.767	25.428.541.508	5.084.145.792	189.220.124	33.608.726	37.264.766.917						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(5.231.285.448)	(941.089.182)	-	-	(6.172.374.630)						
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>130.894.426.179</b>	<b>722.722.306.544</b>	<b>155.599.704.284</b>	<b>5.177.181.598</b>	<b>1.212.938.277</b>	<b>1.015.606.556.882</b>						
<b>Giá trị còn lại</b>												
Tại ngày đầu năm	100.370.725.190	314.916.176.222	37.785.901.151	1.215.699.314	195.128.667	454.483.630.544						
Tại ngày cuối kỳ	<b>103.227.849.408</b>	<b>291.507.447.765</b>	<b>36.735.282.438</b>	<b>1.128.570.099</b>	<b>161.519.941</b>	<b>432.760.669.651</b>						

## 13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tài, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	2.646.908.909	2.646.908.909
Số dư cuối kỳ	<u>2.646.908.909</u>	<u>2.646.908.909</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	661.727.232	661.727.232
- Trích khấu hao	165.431.808	165.431.808
Số dư cuối kỳ	<u>827.159.040</u>	<u>827.159.040</u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	1.985.181.677	1.985.181.677
Tại ngày cuối kỳ	<u>1.819.749.869</u>	<u>1.819.749.869</u>

Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 123.14.05/CTTC ngày 26 tháng 12 năm 2014 giữa Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh (công ty con của Tổng công ty) và Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương, Công ty có thể lựa chọn mua lại tài sản thuê khi kết thúc thời hạn thuê với giá bán danh nghĩa là 1.000.000 đồng.

## 14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	31.313.644.926	169.085.715	530.000.000	32.012.730.641
- Giảm do phân loại lại	(2.104.640.000)	-	-	(2.104.640.000)
Số dư cuối kỳ	<u>29.209.004.926</u>	<u>169.085.715</u>	<u>530.000.000</u>	<u>29.908.090.641</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	2.576.889.956	164.363.493	530.000.000	3.271.253.449
- Khấu hao trong kỳ	117.226.200	2.361.112	-	119.587.312
- Giảm do phân loại lại	(1.672.021.556)	-	-	(1.672.021.556)
Số dư cuối kỳ	<u>1.022.094.600</u>	<u>166.724.605</u>	<u>530.000.000</u>	<u>1.718.819.205</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	28.736.754.970	4.722.222	-	28.741.477.192
Tại ngày cuối kỳ	<u>28.186.910.326</u>	<u>2.361.110</u>	-	<u>28.189.271.436</u>

## 15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

**Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là hai căn hộ tại số 81/6 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh được mua chờ tăng giá để bán và Tổng Công ty không tiếp tục trích khấu hao đối với tài sản này.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	20.343.826.783	22.422.794.900
Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa	5.508.680.091	7.516.462.503
Tiền thuê đất trả trước	7.047.593.072	7.407.775.828
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	4.335.963.202	6.217.126.470
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.551.525.881	2.593.683.691
	<b>41.787.589.029</b>	<b>46.157.843.392</b>

**17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty CP Licogi 12	14.663.066.081	14.663.066.081	16.627.828.804	16.627.828.804
Công ty CP Licogi 13	114.373.697.250	114.373.697.250	113.122.226.287	113.122.226.287
Công ty CP Licogi 16	44.817.488.597	44.817.488.597	42.552.392.338	42.552.392.338
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18	43.901.503.770	43.901.503.770	37.786.849.648	37.786.849.648
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18.1	26.250.403.823	26.250.403.823	26.429.078.179	26.429.078.179
Công ty TNHH Thương mại Kỹ Thuật Việt Hải	51.225.912.898	51.225.912.898	53.001.178.264	53.001.178.264
Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô	22.824.806.722	22.824.806.722	22.824.806.722	22.824.806.722
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc	11.224.002.998	11.224.002.998	11.224.002.998	11.224.002.998
Công ty TNHH Sản Xuất Thương mại Thép Việt Dũng	7.195.710.309	7.195.710.309	12.909.075.709	12.909.075.709
Thầu phụ ban điều hành Dung Quất	12.376.483.794	12.376.483.794	12.376.483.794	12.376.483.794
Xí nghiệp khai thác và chế biến đá XNK An Giang	3.236.951.610	3.236.951.610	3.236.951.610	3.236.951.610
Đội xử lý nền móng (Ông Yên)	1.525.848.182	1.525.848.182	1.525.848.182	1.525.848.182
Phải trả các đối tượng khác	537.849.157.403	537.849.157.403	497.338.095.639	497.338.095.639
	<b>891.465.033.437</b>	<b>891.465.033.437</b>	<b>850.954.818.174</b>	<b>850.954.818.174</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>15.463.640.434</b>	<b>15.463.640.434</b>	<b>18.646.210.859</b>	<b>18.646.210.859</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Khách hàng dự án Nam Ga Hạ Long	105.202.021.904	50.338.003.000
Khách hàng dự án Khu đô thị Đông Hưng Thái Bình và Dự án Bình Giang	25.366.232.620	21.039.339.654
Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô	30.707.123.540	30.707.123.540
Ban quản lý dự án nhà máy chế biến gỗ MDF Kiên Giang	11.896.338.332	7.896.338.332
Công ty CP Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh	39.805.004.194	18.586.670.374
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Nguyễn Phúc	6.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi Măng Xuân Thành	10.726.807.000	10.726.807.000
Công ty Cổ phần Vinpearl	10.548.194.288	-
Các đối tượng khác	146.355.294.354	161.187.679.461
	<u><b>387.107.016.232</b></u>	<u><b>300.481.961.361</b></u>

100%  
C  
TRÁCH  
HẠN  
HOA

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	80.809.071.525	45.613.475.799	48.101.089.369	3.753.169.048	82.074.627.003	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	607.585.695	607.585.695	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	13.199.758.475	2.543.824.799	4.570.582.446	5.030.273	11.178.031.101	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.256.166.724	1.704.608.674	1.987.986.336	32.866.693	1.005.655.755	-	-	-	-	-	-
Thuế Tài nguyên	-	2.272.415.136	1.342.137.660	300.684.000	-	3.313.868.796	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	2.468.112.874	3.200.677.267	3.135.720.431	97.142.569	2.630.212.279	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	583.034.185	89.907.934.721	(10.480.654.849)	218.906.835	17.575.262	78.642.914.114	-	-	-	-	-	-
(*)	<b>583.034.185</b>	<b>189.913.459.455</b>	<b>44.531.655.045</b>	<b>58.922.555.112</b>	<b>3.905.783.845</b>	<b>178.845.309.048</b>						

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(\*) Trong 06 tháng đầu năm 2017, theo thông báo tiền nợ thuế, tiền phạt và tiền chậm nộp thuế của Công ty Cổ phần kỹ thuật nền móng và xây dựng số 20, số tiền Công ty này còn nợ thuế tính đến ngày 28/04/2017 là 66.454.371.153 đồng, cao hơn số liệu hạch toán và theo dõi trên sổ kế toán của Công ty này là 15.226.568.364 đồng. Công ty này đã ghi nhận phần chênh lệch này vào thu nhập khác trong kỳ (Thuyết minh số 31).

## 20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	33.564.620.844	27.413.193.874
- Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	110.492.568.205	100.136.032.808
<i>Dự án C8 mở rộng (Quảng Ninh) (*)</i>	<i>11.029.659.263</i>	<i>11.029.659.263</i>
<i>Dự án C5-C8 (Quảng Ninh)</i>	<i>4.199.894.211</i>	<i>4.199.894.211</i>
<i>Dự án Đồi T5 (Quảng Ninh)</i>	<i>3.477.197.294</i>	<i>4.212.727.653</i>
<i>Dự án 20 Cộng hòa Hồ Chí Minh</i>	<i>11.064.357.198</i>	<i>11.064.357.198</i>
<i>Các công trình khác</i>	<i>80.721.460.239</i>	<i>69.629.394.483</i>
- Chi phí phải trả khác	4.681.100.692	4.762.144.153
	<b>148.738.289.741</b>	<b>132.311.370.835</b>

(\*) Trong số 11 tỷ đồng trích trước chi phí cho dự án C8 mở rộng, có 4,2 tỷ đồng trích trước cho hạng mục xây dựng bãi tắm của Dự án này. Giá trị trích trước của bãi tắm được ghi nhận dựa trên dự toán kinh phí được phê duyệt từ năm 2004. Do hạng mục bãi tắm này đã bị đình trệ từ lâu ngày, Tổng công ty chưa xác định được thời điểm thực hiện và chi phí ước tính để xây dựng bãi tắm này.

X / C  
 QUH  
 1 TO  
 SC  
 1 - TP



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**21 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	68.714.425	-
- Kinh phí công đoàn	5.841.073.778	4.847.998.216
- Bảo hiểm xã hội	38.666.251.091	35.858.534.338
- Bảo hiểm y tế	1.373.871.445	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.080.786.689	-
- Phải trả Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC) về cổ phần hoá	9.837.765.164	9.819.098.046
- Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (1)	60.000.000.000	60.000.000.000
- Phải trả lãi vay vốn hóa - Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (2)	87.464.329.421	87.464.329.421
- Phải trả nội bộ cho chi phí dự án - Tổng Công ty - Công ty mẹ	-	4.538.072.587
- Phải trả đội thi công theo hợp đồng giao khoán - Licogi 9	8.334.379.707	8.547.036.472
- Phải trả đội thi công theo hợp đồng giao khoán - Licogi 20	22.145.978.476	32.730.307.287
- Công ty TNHH Đầu tư và tư vấn Hải Dương (3)	165.000.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	70.393.161.748	62.887.581.280
	<b>470.206.311.944</b>	<b>306.692.957.647</b>

(1) Ngày 25/09/2014, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty - Công ty mẹ. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty- Công ty mẹ để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

(2) Tính đến thời điểm 30/06/2017, Tổng Công ty- Công ty mẹ đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án KĐTMT Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 183 tỷ đồng. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và trước khi chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay vào dự án KĐTMT Thịnh Liệt với giá trị là 90,6 tỷ đồng trong đó đối ứng với khoản mục phải trả ngắn hạn khác là 87,4 tỷ đồng. Khoản nợ phải trả đang trình bày ở khoản mục này, Tổng Công ty- Công ty mẹ thực tế không phải trả cho đối tượng nào khác.

(3) Khoản tiền Công ty TNHH Đầu tư và tư vấn Hải Dương chuyển cho Tổng công ty - Công ty mẹ để bảo lãnh thực hiện hợp đồng thực hiện công tác giải phóng mặt bằng mà theo phụ lục hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/06/2017 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi và Công ty TNHH Đầu tư và tư vấn Hải Dương.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**22 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>						
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	1.225.995.190.167	1.225.995.190.167	1.031.207.802.418	989.631.114.731	1.267.571.877.854	1.267.571.877.854
- Vay ngắn hạn bên thứ ba	1.068.051.260.243	1.068.051.260.243	844.470.693.343	811.980.940.321	1.100.541.013.265	1.100.541.013.265
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>						
- Vay dài hạn đến hạn trả	139.308.117.475	139.308.117.475	88.818.760.479	76.518.249.979	151.608.627.975	151.608.627.975
	139.308.117.475	139.308.117.475	88.818.760.479	76.518.249.979	151.608.627.975	151.608.627.975
	<b>1.365.303.307.642</b>	<b>1.365.303.307.642</b>	<b>1.120.026.562.897</b>	<b>1.066.149.364.710</b>	<b>1.419.180.505.829</b>	<b>1.419.180.505.829</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn ngân hàng	435.233.354.425	435.233.354.425	105.831.600.550	110.940.184.377	430.124.770.598	430.124.770.598
- Vay dài hạn bên thứ ba	21.325.004.329	21.325.004.329	-	4.581.800.000	16.743.204.329	16.743.204.329
	<b>456.558.358.754</b>	<b>456.558.358.754</b>	<b>105.831.600.550</b>	<b>115.521.984.377</b>	<b>446.867.974.927</b>	<b>446.867.974.927</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(139.308.117.475)	(139.308.117.475)	(88.818.760.479)	(76.518.249.979)	(151.608.627.975)	(151.608.627.975)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>317.250.241.279</b>	<b>317.250.241.279</b>			<b>295.259.346.952</b>	<b>295.259.346.952</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Vay ngắn hạn ngân hàng là các khoản vay ngắn hạn của Tổng công ty từ các ngân hàng thương mại trong nước theo các hợp đồng hạn mức tín dụng nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động cho Tổng công ty. Các khoản vay áp dụng lãi suất cho vay của ngân hàng tại ngày giải ngân và được đảm bảo bằng các tài sản của Tổng Công ty.
- (2) Vay ngắn hạn bên thứ ba chủ yếu bao gồm các khoản vay với các tổ chức, cá nhân khác để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty hoặc triển khai các dự án đầu tư bất động sản. Lãi suất cho vay được áp dụng theo mức lãi suất Ngân hàng cho Tổng công ty vay tại thời điểm vay vốn và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng.

Ngoài ra, khoản vay bên thứ ba còn bao gồm hợp đồng tín dụng số 18/2011/HĐTD/TĐSD-LICOGI ký ngày 30/12/2011 giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và Tập đoàn Sông Đà với số tiền 20.000.000.000 đồng cho mục đích đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất 20%/năm. Các khoản vay được đảm bảo bằng cổ phần của một số đơn vị do Tổng Công ty nắm giữ. Khoản vay này đã đáo hạn. Tại ngày 30/6/2017, tổng số dư bao gồm nợ gốc và lãi vay của hợp đồng này là 25.838.888.889 đồng, trong đó bao gồm 17.815.763.516 đồng được trình bày trong khoản mục vay ngắn hạn và 8.023.125.373 đồng được trình bày trong khoản mục chi phí phải trả.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (1) Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay dài hạn của Tổng công ty từ các ngân hàng thương mại trong nước theo các hợp đồng hạn mức tín dụng nhằm thực hiện đầu tư và mua sắm tài sản cố định. Các khoản vay này có thời hạn trên một năm áp dụng cả lãi suất thả nổi của ngân hàng và lãi suất cố định và được đảm bảo bằng các tài sản của Tổng Công ty.
- (2) Vay dài hạn bên thứ ba chủ yếu bao gồm các khoản vay với các cá nhân khác để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty hoặc triển khai các dự án đầu tư bất động sản. Lãi suất cho vay được áp dụng theo mức lãi suất Ngân hàng cho Tổng công ty vay tại thời điểm vay vốn và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng.

**23 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	9.982.455.012	997.937.808
	<b>9.982.455.012</b>	<b>997.937.808</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Chính lệch đánh giá lại tài sản		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Số dư đầu năm nay	900.000.000.000		10.121.718.651		(79.274.695.809)		58.975.299.808		2.074.997.571		(458.783.469.861)		113.314.824.754		546.428.675.114	
Lãi/lỗ trong kỳ này	-		-		-		-		-		(63.982.864.618)		10.443.321.767		(53.539.542.851)	
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		798.173.216		8.297.899		(3.099.127.343)		(2.244.515.263)		(4.537.171.491)	
Chia cổ tức	-		-		-		-		-		-		(15.305.954.500)		(15.305.954.500)	
Tặng khác	-		-		-		-		-		789.519.833		726.825.363		1.516.345.196	
Số dư cuối kỳ này	900.000.000.000		10.121.718.651		(79.274.695.809)		59.773.473.024		2.083.295.470		(525.075.941.989)		106.934.502.121		474.562.351.468	

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ		Đầu kỳ		Tỷ lệ (%)	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Bộ Xây dựng	366.406.910.000	40,71%	366.406.910.000	40,71%		
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất Động sản Khu Đông	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000	35,00%		
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	200.128.880.000	22,24%	200.128.880.000	22,24%		
Các cổ đông khác	18.464.210.000	2,05%	18.464.210.000	2,05%		
	900.000.000.000	100%	900.000.000.000	100%		



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	900.000.000.000	900.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	900.000.000.000	900.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	900.000.000.000	900.000.000.000
<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	89.469.600	89.469.600
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	530.400	530.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	89.469.600	89.469.600
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	530.400	530.400
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>e) Các quỹ công ty</b>	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	59.773.473.024	58.975.299.808
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.083.295.470	2.074.997.571
	<b>61.856.768.494</b>	<b>61.050.297.379</b>
<b>25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>6 tháng đầu năm</b>	<b>6 tháng đầu năm</b>
	2017	2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, kinh doanh vật liệu xây dựng	885.886.884.065	794.827.591.099
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.320.940.075	14.213.037.501
Doanh thu hợp đồng xây dựng	282.316.534.542	504.835.061.300
Doanh thu hoạt động khác	18.556.748.606	1.585.731.947
	<b>1.203.081.107.288</b>	<b>1.315.461.421.847</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)	-	12.104.943.274
<b>26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>	<b>6 tháng đầu năm</b>	<b>6 tháng đầu năm</b>
	2017	2016
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.734.700	12.892.850
Hàng bán bị trả lại	168.657.805	498.118.743
	<b>170.392.505</b>	<b>511.011.593</b>

Y  
DU HAI  
TOA  
C  
TP. HN

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, vật liệu xây dựng đã bán	780.821.057.199	686.258.801.529
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.081.346.016	27.921.312.358
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	266.251.151.907	499.299.069.016
Giá vốn của hoạt động khác	13.640.890.381	2.100.397.450
Chi phí đã phát sinh của dự án KĐTMT Yên Thanh không thể thu hồi (*)	-	24.341.327.951
	<b><u>1.067.794.445.503</u></b>	<b><u>1.239.920.908.304</u></b>

(\*) Dự án khu đô thị mới Yên Thanh, Ưông Bí, Quảng Ninh do Chi nhánh Licogi 2 tiến hành có tổng chi phí phát sinh đến ngày 30/06/2016 là 66.204.237.521 đồng và đã bị UBND tỉnh Quảng Ninh thu hồi theo Quyết định 4011/QĐ-UBND ngày 16/12/2015. Theo quyết định này các chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ được bồi hoàn cho chủ đầu tư mới với số tiền được xác định là 41.862.909.570 đồng. Phần chênh lệch 24.341.327.951 đồng được ghi nhận vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2016.

**28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.234.529.820	2.555.402.814
Cổ tức, lợi nhuận được chia	95.643.172.307	2.795.422.500
Doanh thu tài chính từ vốn hóa dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt (*)	-	5.141.576.353
Doanh thu hoạt động tài chính khác	311.139.544	70.910.450
	<b><u>97.188.841.671</u></b>	<b><u>10.563.312.117</u></b>

(\*) Trong 06 tháng đầu năm 2016, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã vốn hóa lãi vay với tổng số tiền là 87.464.330.416 đồng vào dự án KĐTMT Thịnh Liệt và đối ứng vào khoản mục phải trả khác. Giá trị lãi vay vốn hóa ở khoản mục phải trả khác sẽ được phân bổ vào doanh thu hoạt động tài chính trong nhiều kỳ kế toán. Trong 06 tháng đầu năm 2016, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã phân bổ 5.141.576.353 đồng vào doanh thu hoạt động tài chính. Tuy nhiên, theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán, Tổng công ty đã hủy bút toán ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính này.

**29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	69.725.168.503	65.706.483.142
Dự phòng tổn thất đầu tư	3.446.578.339	-
Chi phí tài chính khác	1.269.837.656	633.483.311
	<b><u>74.441.584.498</u></b>	<b><u>66.339.966.453</u></b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	773.629.923	-
Chi phí nhân công	7.859.663.105	10.276.392.817
Chi phí khấu hao tài sản cố định	314.579.833	424.391.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.353.296.808	5.929.623.323
Chi phí khác bằng tiền	8.619.177.493	7.203.379.044
Chi phí bảo hành	1.822.145.764	-
	<b>24.742.492.926</b>	<b>23.833.786.878</b>

**31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.911.611.872	1.425.851.075
Chi phí nhân công	49.837.298.615	45.508.926.785
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.817.531.102	4.960.724.510
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	22.392.646.128	201.083.143.250
Chi phí khác bằng tiền	32.359.436.079	49.986.390.232
	<b>115.318.523.796</b>	<b>302.965.035.852</b>

**32 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.904.771.232	1.560.409.091
Thuế được giảm	15.226.568.364	-
Thu nhập khác	370.520.319	1.656.810.176
	<b>18.501.859.915</b>	<b>3.217.219.267</b>

**33 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	845.760.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm thời không sử dụng	6.034.185.521	5.341.835.000
Các khoản bị phạt	4.832.216.480	18.415.824.998
Chi phí khác	1.508.490.234	755.632.215
	<b>12.374.892.235</b>	<b>25.359.052.434</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tổng Công ty Licogi- CTCP	716.354.028	824.732.678
Công ty Cổ phần Licogi 17	605.659	3.508.604
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh - Licogi	142.460.524	2.025.655.767
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	1.388.726.363	3.378.579.279
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	12.389.498	12.170.000
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	201.200.605	6.358.190
Công ty Cổ phần Licogi 9	54.060.357	-
Công ty Cổ phần Licogi 10	28.027.765	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.543.824.799</b>	<b>6.251.004.518</b>

**35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(63.982.864.618)	(311.181.123.149)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(63.982.864.618)	(311.181.123.149)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	90.000.000	90.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(711)</b>	<b>(3.458)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

111  
CÔNG  
HỆ  
3 KIẾ  
AA  
VIỆM



**36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	123.691.328.049	-	202.516.339.998	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.551.059.624.249	(364.770.980.603)	1.391.632.389.109	(343.163.804.877)
Các khoản cho vay	107.143.740.010	-	24.663.740.010	-
Đầu tư dài hạn	42.278.671.600	(7.609.679.877)	42.278.671.600	(4.313.571.406)
	<b><u>1.824.173.363.908</u></b>	<b><u>(372.380.660.480)</u></b>	<b><u>1.661.091.140.717</u></b>	<b><u>(347.477.376.283)</u></b>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			1.714.439.852.781	1.682.553.548.921
Phải trả người bán, phải trả khác			1.369.280.391.456	1.164.071.059.523
Chi phí phải trả			148.738.289.741	132.311.370.835
			<b><u>3.232.458.533.978</u></b>	<b><u>2.978.935.979.279</u></b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

35  
TY  
HỮU  
CTC  
3C  
1P

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Đầu tư dài hạn	-	34.668.991.723	-	34.668.991.723
	<u>-</u>	<u>34.668.991.723</u>	<u>-</u>	<u>34.668.991.723</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Đầu tư dài hạn	-	38.423.686.559	-	38.423.686.559
	<u>-</u>	<u>38.423.686.559</u>	<u>-</u>	<u>38.423.686.559</u>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	123.691.328.049	-	-	123.691.328.049
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.185.583.737.146	704.906.500	-	1.186.288.643.646
Các khoản cho vay	107.143.740.010	-	-	107.143.740.010
	<u>1.416.418.805.205</u>	<u>704.906.500</u>	<u>-</u>	<u>1.417.123.711.705</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	202.516.339.998	-	-	202.516.339.998
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.047.337.546.846	1.131.037.386	-	1.048.468.584.232
Các khoản cho vay	24.663.740.010	-	-	24.663.740.010
	<u>1.274.517.626.854</u>	<u>1.131.037.386</u>	<u>-</u>	<u>1.275.648.664.240</u>



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Vay và nợ	1.419.180.505.829	295.259.346.952	-	1.714.439.852.781
Phải trả người bán, phải trả khác	1.361.671.345.381	7.609.046.075	-	1.369.280.391.456
Chi phí phải trả	148.738.289.741	-	-	148.738.289.741
	<b>2.929.590.140.951</b>	<b>302.868.393.027</b>	<b>-</b>	<b>3.232.458.533.978</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	1.365.303.307.642	317.250.241.279	-	1.682.553.548.921
Phải trả người bán, phải trả khác	1.157.647.775.821	6.423.283.702	-	1.164.071.059.523
Chi phí phải trả	132.311.370.835	-	-	132.311.370.835
	<b>2.655.262.454.298</b>	<b>323.673.524.981</b>	<b>-</b>	<b>2.978.935.979.279</b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**37 . KIẾN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ**

Trong năm 2013, Công ty TNHH Xây dựng Lũng Lô ("Công ty Lũng Lô") đã khởi kiện Tổng Công ty - Công ty mẹ liên quan đến khoản tiền mà Công ty Lũng Lô đã ứng trước cho Tổng Công ty - Công ty mẹ để thực hiện dự án đề chắn sóng Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo hợp đồng số 08.1/HĐKT - LCC-Licogi. Theo bản án sơ thẩm số 06/2013/KDTM-ST ngày 06/08/2013 của Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, Công ty mẹ phải hoàn trả Công ty Lũng Lô số tiền 19.036.257.000 đồng. Tuy nhiên, theo bản án phúc thẩm số 10/2014/KDTM-PT ngày 23/01/2014 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, bản án sơ thẩm bị hủy, tòa trả lại đơn kiện cho Công ty Lũng Lô và đình chỉ vụ án. Theo quyết định giám đốc thẩm số 02/2016.KDTM-GDT ngày 22/01/2016 của Ủy ban thẩm phán Tòa án Nhân dân cấp cao Hà Nội, bản án phúc thẩm bị hủy bỏ và hồ sơ vụ kiện được chuyển về tòa án nhân dân quận Thanh Xuân để giải quyết tiếp.

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty thì Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ mọi trách nhiệm quy định trong hợp đồng ký kết với Công ty Lũng Lô và sẽ không phải trả lại số tiền trên do Tổng Công ty đã phát sinh thêm những chi phí khi thực hiện hợp đồng mà các chi phí này sẽ phải do Công ty Lũng Lô chịu.

Tại ngày 31/12/2016, Tổng Công ty - Công ty mẹ đang ghi nhận khoản phải trả cho Công ty Lũng Lô là 53.531.930.262 đồng (trong đó khoản mục "phải trả người bán" là 22.824.806.722 đồng và khoản mục "người mua trả tiền trước ngắn hạn" là 30.707.123.540 đồng). Tổng Công ty - Công ty mẹ sẽ xử lý các khoản phải trả này khi có quyết định cuối cùng của tòa án.

**38 . NHỮNG SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**TỔNG CÔNG TY LICOGLI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động Xây dựng và Xây lắp	Hoạt động kinh doanh Vật liệu xây dựng	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	282.316.534.542	885.716.491.560	34.877.688.681	1.202.910.714.783	1.202.910.714.783
Chi phí bộ phận trực tiếp	266.251.151.907	780.821.057.199	20.722.236.397	1.067.794.445.503	1.067.794.445.503
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>16.065.382.635</b>	<b>104.895.434.361</b>	<b>14.155.452.284</b>	<b>135.116.269.280</b>	<b>135.116.269.280</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	8.656.563.211	3.922.256.079	102.090.909	12.680.910.199	12.680.910.199
Tài sản bộ phận	861.981.883.560	2.704.310.503.574	106.490.170.093	3.672.782.557.227	3.672.782.557.227
Tài sản không phân bổ	-	-	-	699.933.528.197	699.933.528.197
<b>Tổng tài sản</b>	<b>861.981.883.560</b>	<b>2.704.310.503.574</b>	<b>106.490.170.093</b>	<b>4.372.716.085.424</b>	<b>4.372.716.085.424</b>
Nợ phải trả bộ phận	869.003.472.342	2.726.339.454.132	107.357.624.732	3.702.700.551.206	3.702.700.551.206
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	193.322.227.014	193.322.227.014
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>869.003.472.342</b>	<b>2.726.339.454.132</b>	<b>107.357.624.732</b>	<b>3.896.022.778.220</b>	<b>3.896.022.778.220</b>

**Theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty chỉ tiến hành hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Tổng công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài lãnh thổ Việt Nam.

## 40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch trọng yếu phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2017	2016
		VND	VND
<b>Doanh thu</b>		-	<b>12.104.943.274</b>
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết	-	119.995.634
Công ty Cổ phần thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	-	11.984.947.640
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>21.279.186.887</b>	<b>19.614.041.547</b>
Công ty Cổ phần thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	-	9.099.838
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh 8	Công ty liên kết	5.500.000.000	5.500.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 12	(*)	15.779.186.887	14.104.941.709
<b>Thu lãi vay</b>		<b>862.093.000</b>	<b>996.630.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh 8	Công ty liên kết	862.093.000	996.630.000
<b>Cổ tức lợi nhuận được chia</b>		<b>94.284.385.807</b>	<b>3.557.203.138</b>
Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long	Công ty liên doanh	90.181.113.942	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Long	Công ty liên kết	3.745.251.865	3.199.183.138
Công ty Cổ phần Licogi 12	(*)	358.020.000	358.020.000
<b>Các khoản đi vay</b>		<b>167.000.000.000</b>	-
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn	167.000.000.000	-

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn</b>		<b>54.588.080.747</b>	<b>68.253.829.230</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	54.423.914.747	66.861.048.064
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Long	Công ty liên kết	-	1.161.809.800
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết	-	66.805.366
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	164.166.000	164.166.000
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>		<b>3.695.789.577</b>	<b>3.695.789.577</b>
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	3.695.789.577	3.695.789.577
<b>Phải thu từ cho vay ngắn hạn</b>		<b>500.000.000</b>	<b>24.663.740.010</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	500.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh 8	Công ty liên kết	-	20.663.740.010
<b>Phải thu khác</b>		<b>10.374.418.983</b>	<b>6.198.447.118</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Long	Công ty liên kết	3.745.251.865	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	1.216.694.663	1.144.694.663
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	4.338.412.455	4.337.712.455
Công ty Cổ phần Licogi 12	(*)	1.074.060.000	716.040.000
<b>Phải trả người bán</b>		<b>15.463.640.434</b>	<b>18.646.210.859</b>
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết	800.574.353	994.909.627
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	-	1.023.472.428
Công ty Cổ phần Licogi 12	(*)	14.663.066.081	16.627.828.804
<b>Người mua trả tiền trước</b>		<b>243.194.934</b>	<b>2.860.193.368</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	-	2.860.193.368
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết	243.194.934	-
<b>Phải trả khác</b>		<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn	60.000.000.000	60.000.000.000
<b>Các khoản đi vay</b>		<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn	6.000.000.000	6.000.000.000

(\*) Ông Dương Xuân Quang - Tổng Giám đốc Tổng Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 12.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.551.125.000	2.623.979.456

**41 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam (PWC) kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 do Tổng Công ty lập và chưa được soát xét.



**Lê Thanh Nội**  
Người lập



**Nguyễn Thị Chung**  
Kế toán trưởng



**Dương Xuân Quang**  
Tổng Giám đốc

*Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2017*

